MỘT SỐ CÁCH TIẾP CẬN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

Đoàn Quang Trung*

Bài viết trình bày một số cách tiếp cận đánh giá năng lực tiếng Anh dựa theo sự phát triển của học thuyết về khái niệm năng lực tiếng Anh cũng như sự thay đổi về quan điểm và phương pháp dạy học tiếng Anh, mô tả đặc trưng, đưa ra ví dụ và phân tích những điểm mạnh, điểm hạn chế của các phương thức tiếp cận đánh giá khác nhau ra đời từ các phương pháp dạy học tiếng Anh theo Lý thuyết Hành vi (Behaviorism), Lý thuyết Ngôn ngữ có đặc điểm đơn nhất (Unitary Trait Hypothesis) và Lý thuyết Dạy ngôn ngữ giao tiếp (Communicative Language Teaching).

Từ khoá: *Kiểm tra, đánh giá, dạy và học tiếng Anh, kiểm tra các thành tố ngôn ngữ riêng biệt, kiểm tra tích hợp, đánh giá năng lực giao tiếp, lý thuyết học Hành vi, lý thuyết Ngôn ngữ có đặc điểm đơn nhất.*

The article presents a number of approaches to the assessment of English proficiency based on the development of theories on English competence as well as shifting sands of English teaching methods. The present article provides the description, examples and analysis of different assessment approaches with connection to English teaching and learning methods which are anchored in the theories of Behaviorism, Unitary Trait Hypothesis and Communicative Language Teaching.

Key words: *testing, assessment, English teaching and learning, discrete-point testing, integrative testing, assessment of communicative competence, Behaviorism, Unitary Trait Hypothesis.*

Dẫn nhập

Quá trình phát triển của các phương pháp đánh giá tiếng Anh thường gắn liền với sự thay đổi và phát triển của các quan điểm và học thuyết về năng lực tiếng Anh và các cách tiếp cận dạy học tiếng Anh.

Trong những năm 50 và 60 của thế kỷ trước khi mà lý thuyết học Hành vi (Behaviorism) thịnh hành và khi mà việc dạy học tiếng Anh được thực hiện theo quan điểm năng lực ngôn ngữ là tổng hợp của nhiều thành tố nhỏ và các thành tố này có thể được học một cách riêng rẽ và theo đó các phương pháp dạy học (phương pháp Dịch – ngữ pháp) cũng tập trung vào việc dạy các thành tố đơn lẻ của ngôn ngữ thì các phương pháp đánh giá tiếng Anh cũng được thực hiện dựa theo quan điểm và phương pháp học tập như vậy: kiểm tra và đánh giá các thành tố đơn lẻ của ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

Sau đó, khi quan điểm về năng lực ngôn ngữ thay đổi và nhiều học giả cho rằng năng lực ngôn ngữ là sự tích hợp của nhiều thành tố và các thành tố này không

*** ThS., Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Hà Nội**
Email: trungdq1213@gmail.com

thể được tách ra thì các hình thức đánh giá cũng thay đổi theo. Lúc này, thay vì sử dụng các bài kiểm tra tập trung đo các thành tố riêng biệt của ngôn ngữ (như phát âm, từ vựng, ngữ pháp…), các bài kiểm tra tích hợp lại trở nên phổ biến.

Gần đây hơn, khi xuất hiện quan điểm mới cho rằng năng lực ngôn ngữ phải gắn liền với giao tiếp, theo đó năng lực ngôn ngữ không chỉ giới hạn ở các vấn đề ngôn ngữ đơn thuần mà còn phải bao quát cả các chiến lược sử dụng kiến thức và kĩ năng ngôn ngữ để có thể giao tiếp thành công và hiệu quả. Hiểu theo cách này, khái niệm năng lực ngôn ngữ về bản chất đã được mở rộng thành năng lực ngôn ngữ giao tiếp, và theo đó phương pháp giảng dạy và đánh giá cũng thay đổi theo, nhấn mạnh đến việc dạy học để người học sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp và khi đánh giá cũng đặt trọng tâm vào việc xác định kết quả sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp trong các tình huống cụ thể thay vì việc chú trọng xác định hiểu biết về ngôn ngữ.

Bài viết này tóm tắt, trình bày và thảo luận các phương pháp tiếp cận đánh giá dựa trên các quan điểm khác nhau về năng lực ngôn ngữ.

1. Đánh giá năng lực tiếng Anh bằng hình thức kiểm tra kiến thức của người học về các thành tố ngôn ngữ riêng biệt

Kiểm tra các thành tố ngôn ngữ riêng biệt (discrete-point testing) là một cách tiếp cận đánh giá dựa trên các quan điểm và học thuyết dạy học ngôn ngữ cho rằng ngôn ngữ có thể được chia nhỏ thành các thành tố khác nhau và người đánh giá có thể đánh giá được các thành tố ngôn ngữ riêng lẻ đó và rồi từ đó có thể tổng hợp lại và đưa ra kết luận về trình độ năng lực ngôn ngữ của người học (Brown, 2004, p. 8). Với quan điểm này, các học giả chia năng lực ngôn ngữ thành các thành tố như năng lực về chữ viết, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp… Và khi đó, một bài kiểm tra năng lực tiếng Anh phải tập trung kiểm tra các thành tố ngôn ngữ này. Hình thức kiểm tra này hiện vẫn đang được áp dụng tại nước ta (Tham khảo Đề thi tiếng Anh Trung học phổ thông quốc gia năm 2016, 2017).

Phần dưới đây xin trình bày một số bài tập minh họa cho hình thức đánh giá này:

Kiểm tra kiến thứcvề phát âm:

Chọn một từ mà phần gạch chân có cách phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại:

A. **w**hether B. **w**inter

C. **w**arm D. **w**rong

Bài kiểm tra loại này thường tập trung vào xác định kiến thức của người học về những nguyên tắc về chữ viết và phát âm trong tiếng Anh. Theo đó, người học phải nhận thức được cách viết (spelling) và phát âm (pronunication) trong tiếng Anh là 2 phạm trù khác nhau. Có những từ tiếng Anh có những phần có chữ viết giống nhau nhưng khi phát âm thì lại khác nhau. Trên cơ sở hiểu biết như vậy, người học mới có thể chọn ra câu trả lời đúng.

Kiểm tra kiến thức về trọng âm:

Chọn một từ có mô hình trọng âm khác với các từ còn lại:

A. adorable

B. ability

C. impossible

D. entertainment

Bài kiểm tra loại này thường tập trung vào xác định kiến thức của người học về trọng âm, mô hình trọng âm và những nguyên tắc đánh trọng âm của các từtrong tiếng Anh. Đối với bài kiểm tra lĩnh vực kiến thức này, người học cần biết tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm tiết, một từ thường gồm nhiều hơn một âm tiết (khác với tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập chỉ gồm một âm tiết) và trong mỗi từ nhiều âm tiết đó thì có những âm tiết có trọng âm (được nhấn mạnh và nổi bật hơn so với những âm tiết còn lại). Ngoài ra, người học cũng cần xác định được trong một từ gồm nhiều âm tiết như vậy thì âm tiết nào là âm tiết có trọng âm và được nhấn mạnh hơn. Thông thường, mô hình trọng âm trong tiếng Anh rất đa dạng và thường là bất quy tắc, ví dụ 3 từ khác nhau đều gồm 3 âm tiết nhưng ở mỗi từ trọng âm lại rơi vào một âm tiết khác nhau. Do vậy, để làm tốt bài kiểm tra lĩnh vực kiến thức này, người đọc phải nhấn đúng trọng âm của từ khi phát âm để từ đó có thể đưa ra câu trả lời đúng.

Kiểm tra kiến thức về từ vựng:

Chọn một từ hoặc cụm từ phù hợp để điền vào ô trống:

You'll … yourself a lot of time if you take the car.

A. spend B. make

C. spare D. save

Bài kiểm tra loại này tập trung vào xác định kiến thức của người học về từ vựng tiếng Anh. Theo đó, người học phải nắm được nghĩa của câu và nghĩa của các lựa chọn để điền vào ô trống. Ngoài ra, người học cũng phải lưu ý nghĩa của các lựa chọn đơn lẻ có thể khác với nghĩa của nó khi được kết hợp với các từ khác trong câu. Từ đó, người học mới có thể đưa ra lựa chọn đúng cho các câu hỏi.

Kiểm tra kiến thức ngữ pháp:

Chọn một từ hoặc cụm từ phù hợp để điền vào ô trống:

If she … you here, she would be very surprised.

A. were to see B. were seeing

C. had seen D. would see

Bài kiểm tra loại này chú trọng xác định kiến thức của người học về các vấn đề ngữ pháp tiếng Anh. Đối với bài tập loại này, người học phải nắm được các cấu trúc ngữ pháp, các dạng thức động từ khác nhau tùy thuộc vào ngôi, số, cách, thì… hay các dạng thức chủ động hay chủ động… Từ đó, người học mới có thể đưa ra lựa chọn đúng cho các câu hỏi.

Kiểm tra kiến thức ngữ pháp và dịch – ngữ pháp:

Dịch câu tiếng Anh sau sang tiếng Việt:

If I were you, I would take her advice.

……

Dịch câu tiếng Việt sau sang tiếng Anh:

Nếu mình biết cậu ốm, mình đã đến thăm cậu.

……

Bài kiểm tra này tập trung vào xác định kiến thức của người học về các vấn đề ngữ pháp tiếng Anh và khả năng vận dụng những kiến thức ngữ pháp đó để dịch các câu tiếng Anh có cấu trúc rõ ràng sang tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) và ngược lại. Trong trường hợp cụ thể ở bài tập trên, người học phải vận dụng kiến thức và hiểu biết của mình về câu điều kiện trong tiếng Anh để có thể hoàn thành bài kiểm tra.

Kiểm tra về khả năng vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng để viết lại câu:

Sử dụng những từ gợi ý để viết lại câu cho sẵn mà không làm thay đổi nghĩa:

I haven't enjoyed so much for years.

It's years since ……..……...

Bài kiểm tra loại này chú trọng việc xác định hiểu biết của người học về từ vựng và các cấu trúc câu tiếng Anh, và năng lực vận dụng kiến thức đó để viết một câu theo cấu trúc khác để diễn đạt lại ý của câu cho sẵn. Như vậy, để hoàn thành bài tập loại này, người học phải biết về nhiều cấu trúc tiếng Anh đa dạng khác nhau, và những cấu trúc nào có thể được sử dụng để diễn đạt cùng một ý.

Kiểm tra về khả năng vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng để xây dựng câu/đoạn văn/văn bản hoàn chỉnh:

Sử dụng những từ gợi ý để viết thành câu hoàn chỉnh:

I see/your advertisement/today's "Cambridge News".

……..

Bài kiểm tra loại này tập trung xác định hiểu biết của người học về từ vựng và các cấu trúc câu tiếng Anh, và năng lực vận dụng kiến thức đó để tạo ra một câu/đoạn văn/văn bản dựa theo nội dung được gợi ý bằng những từ cho sẵn. Như vậy, để hoàn thành bài tập loại này, người học phải hình dung được nội dung của câu/đoạn văn dựa trên những từ gợi ý. Từ đó, người học vận dụng những hiểu biết của mình về từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh khác nhau để viết ra các câu/đoạn văn/văn bản hoàn chỉnh.

2. Đánh giá năng lực tiếng Anh bằng hình thức kiểm tra tích hợp

Việc xây dựng và sử dụng một bài kiểm tra năng lực dựa trên việc đánh giá các đơn vị ngôn ngữ nhỏ lẻ như đã trình bày ở phần trên thường đi liền với việc phải loại bỏ ngữ cảnh giao tiếp và do vậy thường tạo ra sự mơ hồ đối với thí sinh (Brown, 2004, p. 8). Ngoài ra, hình thức này không đánh giá trực tiếp 4 kĩ năng giao tiếp mà chỉ đánh giá thông qua các loại hình bài tập gián tiếp (đánh giá kĩ năng nói thông qua bài kiểm tra kiến thức về phát âm và trọng âm, đánh giá kĩ năng viết thông qua việc viết lại câu và dựng câu dựa trên câu mẫu hoặc từ cho sẵn...).

Chính vì tồn tại những vấn đề như vậy nên cuối những năm 70 và đầu những năm 80 của thế kỉ trước, một số học giả (Oller, 1979) không đồng tình với hình thức đánh giá năng lực ngôn ngữ thông qua đánh giá các thành tố ngôn ngữ riêng biệt, thay vào đó họ ủng hộ một lý thuyết khác có tên là Unitary Trait Hypothesis (tạm dịch *Lý thuyết về tính nhất thể của ngôn ngữ*. Theo thuyết này, các thành tố của năng lực ngôn ngữ (gồm nhiều thành tố như

bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm-âm vị …) được tích hợp cơ hữu với nhau tạo thành một thực thể đơn nhất và không thể tách ra trong sử dụng ngôn ngữ thực tế. Dựa theo quan điểm như vậy, nhiều học giả đã ủng hộ hình thức đánh giá năng lực tiếng Anh bằng *bài kiểm tra tích hợp* (integrative test).

Theo học giả Brown (Brown, 2004, p. 9), có hai loại bài kiểm tra tiếng Anh truyền thống được coi là hình thức kiểm tra tích hợp: (1) bài kiểm tra điền khuyết (cloze test); và (2) bài kiểm tra viết chính tả (dictation).

Bài kiểm tra điền khuyết được trình bày dưới hình thức một bài đọc (thường từ 100-350 từ), trong đó có khoảng từ 5-10 từ/cụm từ bị lược đi. Người thi được yêu cầu tìm từ/cụm từ để điền vào các ô trống đó. Dưới đây là một ví dụ bài kiểm tra điền khuyết cloze test:

Tìm một từ thích hợp để điền vào mỗi một ô trống trong đoạn văn sau:

The postal service is the government agency (1)……. handles the mail. Its job is to (2)……. letters and packages to people and businesses all (3)……. the world. Its goal is to see that your mail gets to its destination as quickly as possible. People rely (4)…… the postal service to deliver important letters and even valuables, (5)…… time and to the right person.

Bài kiểm tra điền khuyết như trên đòi hỏi người học phải vận dụng tích hợp kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, kĩ năng đọc hiểu, thậm chí cả kiến thức nền về văn hóa… thì mới có thể đưa ra được các câu trả lời đúng và phù hợp.

Bài kiểm tra viết chính tả về thực chất là một kĩ thuật giảng dạy ngoại ngữ được sử dụng như một hình thức kiểm tra. Đối với loại bài kiểm tra này, người học nghe một đoạn văn bản nói rõ ràng, có độ dài từ 100-300 từ, được giáo viên đọc hoặc được phát từ băng, đĩa. Người đọc được yêu cầu ghi lại nội dung mình nghe được. Đối với loại bài này, người học thường được nghe 3 lần. Trong lần nghe đầu tiên, phần nội dung được đọc liên tục, không có khoảng ngừng. Trong lần nghe thứ 2, phần nội dung được ngắt thành các đoạn ngắn và giữa các đoạn đọc có khoảng ngừng để người học có thời gian viết lại những gì đã nghe. Trong lần nghe thứ 3, phần nội dung được đọc liên tục với tốc độ bình thường để người học nghe và kiểm tra lại phần mình đã viết.

Để làm được bài kiểm tra này, người học phải vận dụng tổng hợp nhiều năng lực: phải nghe và hiểu được nội dung văn bản, phải có năng lực tái tạo những gì nghe được dưới dạng viết, phải vận dụng hiệu quả bộ nhớ ngắn hạn…

Tuy nhiên, vào giữa những năm 80 của thế kỉ trước, nhiều học giả đã phản biện lại *Lý thuyết Ngôn ngữ nhất thể* và cho rằng năng lực sử dụng các hợp phần ngôn ngữ trên thực tế của người học rất khác nhau, phụ thuộc vào các yếu tố địa lý, văn hóa, chuyên môn đào tạo… Theo nghiên cứu của học giả Farhady (Farhady, 1982) thì người Brazil có điểm kĩ năng nghe hiểu rất thấp nhưng lại có điểm đọc hiểu tương đối cao. Trong khi đó, người Philipin đạt điểm các kĩ năng khác cao hơn người Brazil nhưng điểm đọc hiểu thì lại thấp hơn. Nghiên cứu này cùng nhiều nghiên

cứu khác đã đưa ra hàng loạt bằng chứng phản biện lại lý thuyết cho rằng các thành tố của năng lực ngôn ngữ được tích hợp cơ hữu với nhau tạo thành một thực thể đơn nhất và không thể tách ra trong sử dụng thực tế. Thậm chí các nghiên cứu sau này (Weir, 1990, p. 6) còn cho rằng các bài kiểm tra tích hợp theo học thuyết này (ví dụ bài kiểm tra điền vào chỗ trống) chỉ có thể cung cấp thông tin về kiến thức ngôn ngữ của người học, mà không hề cho biết một cách trực tiếp liệu người học đó có thể sử dụng kiến thức đó để giao tiếp thành công hay không.

Ngay cả học giả Oller trong một ấn phẩm sau đó của mình (Oller, 1983, p. 352) cũng phải thừa nhận rằng lý thuyết về năng lực ngôn ngữ thể nhất có những điểm không hợp lý.

3. Đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh để giao tiếp

Do ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy lý thuyết Ngôn ngữ thể nhất không thuyết phục nên đến giữa những năm 80 của thế kỉ trước ảnh hưởng của lý thuyết này trong lĩnh vực kiểm tra-đánh giá năng lực tiếng Anh dần mai một, theo đó, những bài kiểm tra theo hình thức điền chỗ trống (cloze tests) hay viết chính tả (dictation) cũng ngày càng ít được sử dụng.

Cũng vào thời điểm này, lý thuyết về giảng dạy ngôn ngữ theo tiếp cận giao tiếp ngày càng được nhiều học giả cổ súy và ảnh hưởng của nó cũng ngày càng lớn hơn. Lý thuyết này bắt nguồn từ quan điểm cho rằng một người có năng lực ngôn ngữ tốt phải là người không chỉ hiểu nhiều về ngôn ngữ đó mà còn phải biết sử dụng năng lực đó để giao tiếp hiệu quả. Vì vậy năng lực ngôn ngữ không chỉ dừng lại ở các vấn đề ngôn ngữ đơn thuần mà còn phải bao quát cả các chiến thuật sử dụng kiến thức và kĩ năng ngôn ngữ để có thể giao tiếp thành công. Từ đây, quan điểm thay đổi và khái niệm năng lực ngôn ngữ được mở rộng thành năng lực giao tiếp.

Khái niệm *năng lực giao tiếp* (communicative competence) như vậy bao hàm cả kiến thức ngôn ngữ và khả năng vận dụng kiến thức đó trong các tình huống giao tiếp khác nhau trong thực tiễn (Hymes, 1972). Cụ thể hơn, *năng lực giao tiếp* có cấu trúc gồm 4 thành tố: (1) năng lực ngữ pháp; (2) năng lực ngôn ngữ học xã hội; (3) năng lực diễn ngôn; (4) năng lực chiến lược (Canale & Swain, 1980). Theo đó, *năng lực ngữ pháp* đề cập đến những kiến thức và hiểu biết của người học các quy tắc ngữ pháp, về từ vựng và phát âm và việc vận dụng những kiến thức này. Trong khi đó, *năng lực ngôn ngữ học xã hội* tập trung vào hiểu biết của người học về văn phong, ngữ vực, trọng âm hay ngữ điệu và khả năng vận dụng những hiểu biết này. *Năng lực diễn ngôn* thì nhấn mạnh đến việc người học có khả năng sử dụng các thành tố ngôn ngữ một cách logic và gắn kết để diễn đạt ý. *Năng lực chiến lược* thì đề cập để khả năng sử dụng các chiến thuật ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ như cử chỉ, nét mặt… để hỗ trợ giao tiếp, chẳng hạn như việc người học có thể sử dụng nét mặt, cử chỉ… để diễn đạt được ý của mình dù không đủ vốn từ vựng, hay người học có thể dựa vào ngôn ngữ cử chỉ để đoán được nghĩa và hiểu được nội dung hội thoại dù người đối

thoại sử dụng từ mới hay cấu trúc mà mình không biết.

Bốn thành tố năng lực này gắn kết và tương tác với nhau, và do đó, để giao tiếp thành công, người sử dụng ngôn ngữ phải đồng thời phải vận dụng các yếu tố theo một chiến lược nhất định. Như vậy, theo quan điểm này, đánh giá năng lực giao tiếp nhấn mạnh vào việc xác định năng lực tham gia các hoạt động giao tiếp thực tế, năng lực hiểu và diễn đạt ý… trong những tình huống đó, thay vì xác định những hiểu biết và kiến thức đơn thuần về vỏ ngôn ngữ.

Dựa trên quan điểm về năng lực giao tiếp như vậy, hai chuyên gia Bachman và Palmer (Bachman & Palmer, 1996, p. 9) đưa ra một nguyên tắc mà họ coi là cơ sở, làm nền tảng cho việc đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp: *Để một bài kiểm tra năng lực giao tiếp thực hiện được mục đích đề ra, thì việc tham gia làm bài kiểm tra đó phải tương quan với việc sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp trong các tình huống thực tế.*

Chính vì quan điểm này mà cho đến nay hầu hết các nhà nghiên cứu ngôn ngữ đều thống nhất rằng *năng lực giao tiếp của một cá nhân phải được đánh giá dựa trên sự thể hiện của cá nhân đó trong các tình huống giao tiếp thực tế.*

Cũng do nhấn mạnh *thể hiện ngôn ngữ thực tế* (real language performance) chính là kết quả của việc người sử dụng ngôn ngữ phải tích hợp và vận dụng đầy đủ các yếu tố về năng lực để giao tiếp, nên các hình thức đánh giá năng lực giao tiếp trong tiếng Anh hiện nay thường được đề cập đến bằng thuật ngữ là *đánh giá dựa trên thể hiện* (performance-based assessment). Đánh giá theo hình thức này nhấn mạnh việc đánh giá được thực hiện bằng việc đo sự thể hiện năng lực thực tế (real language performance) của người sử dụng tiếng Anh thông qua 4 kĩ năng chính là Nghe, Nói, Đọc, Viết và sự tích hợp của 4 kĩ năng này trong các tình huống tương tác và giao tiếp cụ thể.

Sau đây là một số ví dụ minh họa việc đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp dựa trên thể hiện thực tế của người học:

<u>Kiểm tra kĩ năng Nghe:</u>

Người học nghe/xem đoạn giới thiệu bằng tiếng Anh có nội dung như sau:

Hello. My name's Jennifer Hudson. I'm 20 and I come from London. But now I'm living in Cambridge, because I'm studying education at Cambridge University.

Người học đọc các câu hỏi sau và đưa ra lựa chọn phù hợp:

1. How old is Jennifer?

   A. 19 B. 20 C. 21

2. Where is she living now?

   A. London B. Oxford C. Cambridge

3. What major is she studying now?

   A. History B. Education C. Medicine

<u>Kiểm tra kĩ năng Nói:</u>

Người học tham gia một đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Anh với giáo viên về một chủ đề cụ thể. Dưới đây là một ví dụ:

Topic: Discuss what you like doing in your free time.

Teacher	Student
- What do you like doing in your free time, Linh?	- I like listening to music and surfing the Net.
- So what kind of music do you often like listening to?	- I like pop music, also sometimes rock. But generally I love pop more.

Kiểm tra kĩ năng Đọc:

Người học đọc/xem đoạn quảng cáoviệc làm bằng tiếng Anh có nội dung như sau:

CAREER OPPORTUNITY

A reknown Pharmaceutical Firm requires staff for its Factory situated at S.I.T.E

MICROBIOLOGIST:

Candidate must posses at least Master's Degree and minimum 10 years of experience in relevant field.

SECRETARY / OFFICE ASSISTANT: (FEMALE)

Have an excellent interpersonal, communication and computer skills. Must have Bachelor's degree with minimum three years of relevant experience.

(Preference to pharmacists) Pharm-D.

Send your CV's at Box No. 836 C/o. Jang, Karachi.

Người học đọc các câu hỏi sau và viết câu trả lời ngắn phù hợp vào phần bỏ trống:

1. What experience isrequired for an applicant for the position of a microbiologist?

……

2. What skills are important for a candidate for the position of a secretary?

……

Kiểm tra kĩ năng Viết:

Người học được yêu cầu viết một tấm bưu thiếp cho một người thân hay một người bạn, cung cấp thông tin và bày tỏ cảm xúc của mình về một địa điểm du lịch mà mình đang tham quan.

Write a postcard to a friend about your last holiday. Here are some details that you may want to include:

- Briefly describe the activities what you do on your holiday (going swimming, sightseeing, etc.).
- Talk about the weather, the food, etc.
- How you feel about the holiday.

Kết luận

Các phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ nói chung và năng lực tiếng Anh nói riêng đã trải qua thời gian dài hình thành và phát triển, từ những phương pháp đánh giá được thực hiện để kiểm tra hiểu biết của người học về các thành tố ngôn ngữ đơn lẻ, riêng biệt (discrete-point testing), đến kiểm tra kiến thức tích hợp của người học về ngôn ngữ (integrative testing), và gần đây hơn là đánh giá năng lực ngôn ngữ giao tiếp thông qua biểu năng của người học (performance-based assessment). Với mỗi một cách tiếp cận, ta đều thấy có giá trị riêng, có điểm mạnh, điểm hạn chế nhất định.

Đánh giá năng lực tiếng Anh thông qua kiểm tra hiểu biết của người học về các thành tố ngôn ngữ đơn lẻ (discrete-point testing) hay thông qua kiểm tra hiểu biết tích hợp (integrative testing) thường khách quan, đơn giản và tiết kiệm hơn. Tuy nhiên, vấn đề của những phương pháp đánh giá này là chú trọng vào kiến thức, xem nhẹ kĩ năng, đánh giá gián tiếp nên không đo được chính xác năng lực tiếng Anh giao tiếp thực tế của người học.

Đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp dựa trên thể hiện thực tế của người học thường tốn kém hơn, đòi hỏi nhiều thời gian và nguồn lực hơn, đặc biệt trong những năm trước đây khi mà công nghệ số

chưa phát triển, khó có được những file âm thanh hay hình ảnh, và khó có thể chỉnh sửa được những file âm thanh hình ảnh đề phù hợp với mục đích kiểm tra, đánh giá, thì đánh giá dựa trên biểu năng (performance-based) càng khó thực hiện. Tuy tốn nhiều nguồn lực hơn, nhưng đánh giá theo hình thức này trực tiếp hơn, hiệu quả, chính xác và toàn diện hơn, tránh hiện tượng có những sinh viên đạt điểm thi rất cao, biết rất nhiều về từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh nhưng lại không sử dụng được những kiến thức đó để giao tiếp thành công và hiệu quả.

Để đánh giá năng lực tiếng Anh được hiệu quả, toàn diện và khả thi thì trước hết mỗi cơ sở đào tạo cần xác định rõ mục đích và nguồn lực của mình, rồi sau đó mới đi đến quyết định lựa chọn cách tiếp cận và công cụ đánh giá phù hợp và khả thi, giúp đạt được mục đích và phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ sở mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bachman, L. F., & Palmer, A. S. (1996). *Language testing in practice: Designing and developing useful language tests* (Vol. 1): Oxford University Press.

2. Brown, H. D. (2004). *Language assessment: Principles and classroom practices*: Allyn & Bacon.

3. Canale, M., & Swain, M. (1980). Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing. *Applied linguistics, 1*(1), 1-47.

4. Farhady, H. (1982). Measures of language proficiency from the learner's perspective. *TESOL quarterly*, 43-59.

5. Hymes, D. (1972). On communicative competence. *Sociolinguistics, 269-293.*

6. Oller, J. W. (1979). *Language tests at school: A pragmatic approach*: Addison-Wesley Longman Ltd.

7. Oller, J. W. (1983). *Issues in language testing research*: ERIC.

8. Weir, C. (1990). *Communicative Language Testing*. London: Prentice Hall International.S.

(Toà soạn nhận bài viết ngày 09/8/2017, duyệt đăng ngày 18/12/2017)